

Hoành Sơn, ngày 15 tháng 03 năm 2023

TÀI LIỆU PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

(Số 03, tháng 03 năm 2023)

Tìm hiểu một số quy định Luật Người cao tuổi năm 2009 và Dự thảo nghị quyết Quy định mức quà tặng, kinh phí tổ chức chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Hải Dương

I. Một số Luật Người cao tuổi năm 2009.

CHƯƠNG II: PHỤNG DƯỠNG, CHĂM SÓC NGƯỜI CAO TUỔI

Mục 1

PHỤNG DƯỠNG NGƯỜI CAO TUỔI

Điều 10. Nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng người cao tuổi

- Phụng dưỡng người cao tuổi là chăm sóc đời sống tinh thần, vật chất nhằm đáp ứng nhu cầu cơ bản về ăn, mặc, ở, đi lại, chăm sóc sức khỏe và các nhu cầu về vui chơi, giải trí, thông tin, giao tiếp, học tập của người cao tuổi.
- Người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng người cao tuổi là con, cháu của người cao tuổi và những người khác có nghĩa vụ nuôi dưỡng, cấp dưỡng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình.
- Người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng người cao tuổi tùy theo hoàn cảnh cụ thể phải sắp xếp nơi ở phù hợp với điều kiện sức khỏe, tâm lý của người cao tuổi; chu cấp về kinh tế; thanh toán chi phí điều trị và chăm sóc y tế, động viên khi người cao tuổi ốm đau; mai táng khi người cao tuổi chết.

4. Người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng người cao tuổi phải cùng nhau hợp tác trong việc phụng dưỡng người cao tuổi.

5. Khuyến khích tổ chức, cá nhân không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này tham gia phụng dưỡng người cao tuổi.

Điều 11. Ủy nhiệm chăm sóc người cao tuổi

1. Người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng không có điều kiện trực tiếp chăm sóc người cao tuổi thì ủy nhiệm cho cá nhân hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ chăm sóc người cao tuổi, nhưng phải được người cao tuổi đồng ý.

Việc ủy nhiệm chăm sóc người cao tuổi được thực hiện dưới hình thức hợp đồng dịch vụ giữa người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng với cá nhân hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ.

2. Cá nhân hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ được ủy nhiệm chăm sóc người cao tuổi có trách nhiệm thực hiện đầy đủ cam kết theo hợp đồng dịch vụ với người ủy nhiệm.

3. Người cao tuổi có quyền yêu cầu người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng thay đổi cá nhân hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ được ủy nhiệm chăm sóc mình.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Mục 2

CHĂM SÓC SỨC KHOẺ NGƯỜI CAO TUỔI

Điều 12. Khám bệnh, chữa bệnh

1. Việc ưu tiên khám bệnh, chữa bệnh cho người cao tuổi được thực hiện như sau:

a) Người từ đủ 80 tuổi trở lên được ưu tiên khám trước người bệnh khác, trừ bệnh nhân cấp cứu, trẻ em dưới 6 tuổi, người khuyết tật nặng;

b) Bố trí giường nằm phù hợp khi điều trị nội trú.

2. Các bệnh viện, trừ bệnh viện chuyên khoa nhi, có trách nhiệm sau đây:

a) Tổ chức khoa lão khoa hoặc dành một số giường để điều trị người bệnh là người cao tuổi;

b) Phục hồi sức khỏe cho người bệnh là người cao tuổi sau các đợt điều trị cấp tính tại bệnh viện và hướng dẫn tiếp tục điều trị, chăm sóc tại gia đình;

c) Kết hợp các phương pháp điều trị y học cổ truyền với y học hiện đại, hướng dẫn các phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc ở tuyến y tế cơ sở đối với người bệnh là người cao tuổi.

3. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân khám bệnh, chữa bệnh miễn phí cho người cao tuổi.

Điều 13. Chăm sóc sức khỏe ban đầu tại nơi cư trú

1. Trạm y tế xã, phường, thị trấn có trách nhiệm sau đây:

a) Triển khai các hình thức tuyên truyền, phổ biến kiến thức phổ thông về chăm sóc sức khỏe; hướng dẫn người cao tuổi kỹ năng phòng bệnh, chữa bệnh và tự chăm sóc sức khỏe;

b) Lập hồ sơ theo dõi, quản lý sức khỏe người cao tuổi;

c) Khám bệnh, chữa bệnh phù hợp với chuyên môn cho người cao tuổi;

d) Phối hợp với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến trên tổ chức kiểm tra sức khỏe định kỳ cho người cao tuổi.

2. Trạm y tế xã, phường, thị trấn cử cán bộ y tế đến khám bệnh, chữa bệnh tại nơi cư trú đối với người cao tuổi cô đơn bị bệnh nặng không thể đến khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có trách nhiệm hỗ trợ việc đưa người bệnh quy định tại khoản này tới cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo đề nghị của trạm y tế xã, phường, thị trấn.

3. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân khám bệnh, chữa bệnh cho người cao tuổi tại nơi cư trú.

4. Kinh phí để thực hiện các quy định tại điểm a, b và d khoản 1 và khoản 2 Điều này do ngân sách nhà nước bảo đảm.

Mục 3

CHĂM SÓC NGƯỜI CAO TUỔI TRONG HOẠT ĐỘNG VĂN HOÁ, GIÁO DỤC, THỂ DỤC, THỂ THAO, GIẢI TRÍ, DU LỊCH, SỬ DỤNG CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VÀ THAM GIA GIAO THÔNG CÔNG CỘNG.

Điều 14. Hoạt động văn hoá, giáo dục, thể dục, thể thao, giải trí và du lịch

1. Nhà nước đầu tư và khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở văn hóa, giáo dục, thể dục, thể thao, giải trí, du lịch nhằm đáp ứng nhu cầu tinh thần và rèn luyện sức khỏe của người cao tuổi.

2. Nhà nước và xã hội tạo điều kiện thuận lợi để người cao tuổi được học tập, nghiên cứu và tham gia hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao, giải trí, du lịch thông qua các biện pháp sau đây:

a) Cung cấp thông tin, tài liệu, người hướng dẫn để người cao tuổi tham gia học tập, nghiên cứu;

b) Hỗ trợ, hướng dẫn người cao tuổi tham gia hoạt động văn hóa, giải trí, du lịch, luyện tập dưỡng sinh và các hoạt động thể dục, thể thao khác phù hợp với sức khỏe và tâm lý;

c) Hỗ trợ địa điểm, dụng cụ, phương tiện và cơ sở vật chất khác phù hợp với hoạt động của người cao tuổi;

d) Khuyến khích doanh nghiệp, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hoá phù hợp với nhu cầu của người cao tuổi.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 15. Công trình công cộng, giao thông công cộng

1. Việc xây dựng mới hoặc cải tạo khu chung cư, công trình công cộng khác phải phù hợp với đặc điểm, nhu cầu sử dụng của người cao tuổi.

2. Khi tham gia giao thông công cộng, người cao tuổi được giúp đỡ, sắp xếp chỗ ngồi thuận tiện.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 16. Giảm giá vé, giá dịch vụ

Người cao tuổi được giảm giá vé, giá dịch vụ khi sử dụng một số dịch vụ theo quy định của Chính phủ.

Mục 4

BẢO TRỢ XÃ HỘI ĐỐI VỚI NGƯỜI CAO TUỔI

Điều 17. Đối tượng được hưởng chính sách bảo trợ xã hội

1. Người cao tuổi thuộc hộ gia đình nghèo không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng hoặc có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng nhưng người này đang hưởng chế độ trợ cấp xã hội hằng tháng.
2. Người từ đủ 80 tuổi trở lên không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này mà không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, trợ cấp xã hội hằng tháng.

Điều 18. Chính sách bảo trợ xã hội

1. Người cao tuổi quy định tại Điều 17 của Luật này được hưởng bảo hiểm y tế, được hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng và hỗ trợ chi phí mai táng khi chết, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Người cao tuổi thuộc hộ gia đình nghèo không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng, không có điều kiện sống ở cộng đồng, có nguyện vọng và được tiếp nhận vào cơ sở bảo trợ xã hội thì được hưởng các chế độ sau đây:
 - a) Trợ cấp nuôi dưỡng hằng tháng;
 - b) Cấp tư trang, vật dụng phục vụ cho sinh hoạt thường ngày;
 - c) Được hưởng bảo hiểm y tế;
 - d) Cấp thuốc chữa bệnh thông thường;
 - đ) Cấp dụng cụ, phương tiện hỗ trợ phục hồi chức năng;
 - e) Mai táng khi chết.
3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 19. Chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng

Người cao tuổi thuộc diện quy định tại khoản 2 Điều 18 mà có người nhận chăm sóc tại cộng đồng thì được hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng bằng mức nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, được hưởng bảo hiểm y tế và hỗ trợ chi phí mai táng khi chết.

Điều 20. Cơ sở chăm sóc người cao tuổi

1. Cơ sở chăm sóc người cao tuổi là nơi chăm sóc, nuôi dưỡng, tư vấn hoặc hỗ trợ những điều kiện cần thiết khác cho người cao tuổi.
2. Cơ sở chăm sóc người cao tuổi bao gồm:
 - a) Cơ sở bảo trợ xã hội;

- b) Cơ sở tư vấn, dịch vụ chăm sóc người cao tuổi;
- c) Cơ sở chăm sóc người cao tuổi khác.

Chính phủ quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của các cơ sở chăm sóc người cao tuổi quy định tại khoản này.

3. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở chăm sóc người cao tuổi; đầu tư cơ sở vật chất và hỗ trợ kinh phí hoạt động cho cơ sở chăm sóc người cao tuổi công lập; hỗ trợ kinh phí cho cơ sở chăm sóc người cao tuổi ngoài công lập nuôi dưỡng người cao tuổi quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật này.

4. Tổ chức, cá nhân đóng góp, đầu tư xây dựng cơ sở chăm sóc người cao tuổi bằng nguồn kinh phí của mình được hưởng các chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.

Mục 5

CHÚC THỌ, MỪNG THỌ, TỔ CHỨC TANG LỄ

Điều 21. Chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi

1. Người thọ 100 tuổi được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam chúc thọ và tặng quà.
2. Người thọ 90 tuổi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chúc thọ và tặng quà.
3. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn phối hợp với Hội người cao tuổi tại địa phương, gia đình của người cao tuổi tổ chức mừng thọ người cao tuổi ở tuổi 70, 75, 80, 85, 90, 95 và 100 tuổi trở lên vào một trong các ngày sau đây:
 - a) Ngày người cao tuổi Việt Nam;
 - b) Ngày Quốc tế người cao tuổi;
 - c) Tết Nguyên đán;
 - d) Sinh nhật của người cao tuổi.
4. Kinh phí thực hiện quy định tại Điều này do ngân sách nhà nước bảo đảm và nguồn đóng góp của xã hội.

Điều 22. Tổ chức tang lễ và mai táng khi người cao tuổi chết

1. Khi người cao tuổi chết, người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng người cao tuổi có trách nhiệm chính trong việc tổ chức tang lễ và mai táng cho người cao tuổi theo nghi thức trang trọng, tiết kiệm, bảo đảm nếp sống văn hoá, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác; trường hợp người cao tuổi không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng hoặc có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng nhưng người này không có điều kiện tổ chức tang lễ và mai táng thì Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn hoặc cơ sở bảo trợ xã hội nơi người cao tuổi cư trú chủ trì phối hợp với Hội người cao tuổi và các tổ chức đoàn thể tại địa phương tổ chức tang lễ và mai táng.
2. Khi người cao tuổi chết, cơ quan, tổ chức nơi người cao tuổi đang làm việc hoặc cơ quan, tổ chức nơi làm việc cuối cùng của người cao tuổi, Hội người cao tuổi, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các tổ chức đoàn thể tại địa phương có trách nhiệm phối hợp với gia đình người cao tuổi tổ chức tang lễ và mai táng.

II. Dự thảo nghị quyết Quy định mức quà tặng, kinh phí tổ chức chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG KHÓA....., KỲ HỌP LẦN THỨ...

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Người cao tuổi ngày 23/11/2009;

Căn cứ Nghị định số 06/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người cao tuổi;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/1996 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Căn cứ Thông tư số 96/2018/TT-BTC ngày 18/10/ 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người cao tuổi tại nơi cư trú; chúc thọ, mừng thọ; ưu đãi tín dụng và biểu dương, khen thưởng người cao tuổi;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức quà tặng, kinh phí tổ chức chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Hải Dương; Báo cáo thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, nguyên tắc tặng quà

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức quà tặng và kinh phí hỗ trợ tổ chức chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi tại thôn, khu dân cư.

2. Đối tượng áp dụng

- Người cao tuổi là công dân Việt Nam, cư trú trên địa bàn tỉnh Hải Dương ở tuổi 70, 75, 80, 85, 95, 100 tuổi và trên 100 tuổi theo quy định của Luật Người cao tuổi.

- Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến việc thực hiện chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi hàng năm trên địa bàn tỉnh quy định tại Nghị quyết này.

3. Nguyên tắc

- Quà chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi quy định tại Nghị quyết này được tặng bằng tiền mặt.

- Người cao tuổi chỉ được nhận một suất quà tặng chúc thọ, mừng thọ, 01 "Giấy mừng thọ" và 01 khung "Giấy mừng thọ" trong năm theo quy định tại Nghị quyết này.

- Mỗi thôn/khu dân cư được hỗ trợ kinh phí tổ chức chúc thọ, mừng thọ 01 lần/năm.

- Những nội dung không quy định tại Nghị quyết thực hiện theo đúng quy định của Thông tư số 96/2018/TT-BTC ngày 18/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người cao tuổi tại nơi cư trú; chúc thọ, mừng thọ; ưu đãi tín dụng và biểu dương, khen thưởng người cao tuổi hoặc văn bản thay thế (nếu có)

Điều 2. Mức quà tặng và kinh phí tổ chức chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi

1. Mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ

- Mức quà tặng hiện vật chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi thọ 100 tuổi: 05 mét vải lụa giá trị tương ứng bằng 0,5 lần mức lương cơ sở tại thời điểm tặng quà.

- Đối với người cao tuổi ở tuổi 70, 75, 80, 85, 95 tuổi và trên 100 tuổi:
- + Người cao tuổi ở tuổi 70 tuổi, 75 tuổi: Mức chi 400.000 đồng/người;
- + Người cao tuổi ở tuổi 80 tuổi, 85 tuổi: Mức chi 500.000 đồng/người;
- + Người cao tuổi ở tuổi 95 tuổi: Mức chi 800.000 đồng/người;
- + Người cao tuổi ở tuổi từ 101 tuổi đến 104 tuổi: Mức chi 1.100.000 đồng/người;
- + Người cao tuổi ở tuổi 105 tuổi: Mức chi 1.600.000 đồng/người;
- + Người cao tuổi ở tuổi 106 đến 109 tuổi: Mức chi 1.600.000 đồng/người;
- + Người cao tuổi ở tuổi 110 tuổi: Mức chi 2.600.000 đồng/người;
- + Người cao tuổi ở tuổi 111 tuổi trở lên: Mức chi 3.100.000 đồng/người.

2. Kinh phí tổ chức chúc thọ, mừng thọ

- Mức chi in ấn hoặc mua "Giấy mừng thọ", làm khung "Giấy mừng thọ" không vượt quá 70.000 đồng/người (bao gồm: 01 "Giấy mừng thọ" và 01 khung "Giấy mừng thọ").

- Mức chi nước uống, hoa quả, bánh kẹo, thuê hội trường, phong, bạt, bàn ghế, thiết bị loa đài và các khoản chi cần thiết khác tổ chức chúc thọ, mừng thọ: 2.000.000 đồng/thôn, khu dân cư/01 lần tổ chức.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện từ nguồn kinh phí chi sự nghiệp bảo đảm xã hội được bố trí trong ngân sách hàng năm của tỉnh. Cụ thể:

1. Kinh phí quà tặng người cao tuổi thọ 100 tuổi được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của Sở Lao động -Thương binh và Xã hội.

2. Kinh phí quà tặng người cao tuổi ở tuổi 70, 75, 80, 85, 95 và trên 100 tuổi; kinh phí hỗ trợ tổ chức chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi tại các thôn/khu dân cư được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của Ủy ban nhân dân cấp huyện để thực hiện theo phân cấp của địa phương.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương Khóa , Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2023 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 20..../.

Trên đây là phần một số quy định Luật Người cao tuổi năm 2009 và Dự thảo nghị quyết Quy định mức quà tặng, kinh phí tổ chức chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Hải Dương. Đề nghị toàn thể nhân dân nghiêm túc thực hiện các quy định của pháp luật, đóng góp ý kiến cho dự thảo nghị quyết Quy định mức quà tặng, kinh phí tổ chức chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Hải Dương góp phần đảm bảo an sinh xã hội vì cuộc sống bình yên và hạnh phúc của nhân dân, xây dựng đời sống văn hoá trong thôn tạo tiền đề phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

Nơi nhận:

- TT. Đảng ủy, TT HĐND (BC);
- UBMTTQ và các tổ chức chính trị-XH;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Thành viên BCĐ công tác PBGDPL xã;
- Các ông/bà tuyên truyền viên PL xã;
- Các tổ hòa giải;
- Hội viên Chi Hội Luật gia;
- Công chức chuyên môn UBND;
- Đài truyền thanh;
- Lưu BCĐ.

TM. BCĐ CÔNG TÁC PBGDPL

Trưởng Ban chỉ đạo-Chủ tịch UBND

Trần Đức Bền